

HƯỚNG DẪN ĐỌC KÝ HIỆU THÂN DAO PHAY



Cty cổ phần cơ khí Nhân Chính

office@cockinhanchinh.com.vn



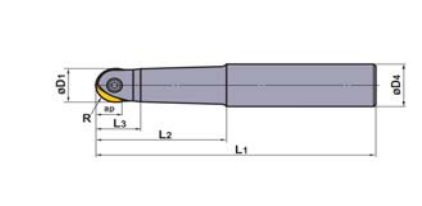















THÂN DAO PHAY CNC

Thân dao phay gắn mảnh hợp kim dạng cầu:

Ký hiệu: T2139-4R x 110-C8- Ký hiệu thân dao phay

219.19-080- Ký hiệu mảnh dao phay đi kèm

T2139	4R	110	C8
Ký hiệu	Đường kính	Kích thước	Đường kính
thân dao phay	Đầu thân dao Ø8	Chiều dài thân dao	chuôi thân dao Ø8
gắn mảnh HK			C- Thân dao dạng
Dạng cầu			hình tròn

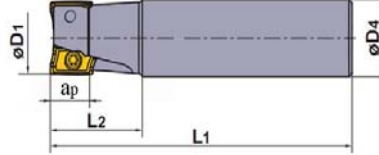
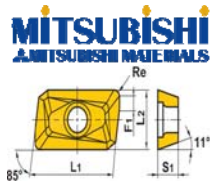
						
Code	Insert	Thông số KT (mm)				
		D1	D4	L1	L2	ap
T2139-4R x 110-C8	 219.19-080	8	8	110	25	5
T2139-4R x 110-C10	 P3201-D08	8	10	110	25	5
T2139-4R x 140-C12		8	12	140	55	5
T2139-5R x 130-C10	 219.19-100	10	10	130	30	7
T2139-5R x 160-C12	 P3201-D10	10	12	160	30	7
T2139-6R x 130-C12	 219.19-120	12	12	130	32	8
T2139-6R x 160-C16	 P3201-D12	12	13	160	58.5	8
T2139-8R x 160-C16	 219.19-160	16	16	160	65	10
T2139-8R x 200-C20	 P3201-D16	16	20	200	65	10
T2139-10R x 160-C20	 219.19-200	20	20	160	45	12.5
T2139-10R x 200-C20	 P3201-D20	20	20	200	76	12.5
T2139-10R x 250-C25		20	25	250	120	12.5
T2139-12.5R x 160-C25		25	25	160	45	15
T2139-12.5R x 200-C25	 219.19-250	25	25	200	76	15
T2139-12.5R x 200-C32	 P3201-D25	25	32	200	98	15
T2139-12.5R x 250-C32		25	32	250	120	15
T2139-15R x 200-C32	 P3201-D30	30	32	200	80	18
T2139-15R x 250-C40		30	40	250	121	18
T2139-16R x 200-C32	 219.19-320	32	32	200	80	19
T2139-16R x 250-C40	 P3201-D32	32	40	250	121	19

Thân dao phay gắn mảnh hợp kim hình bình hành

Ký hiệu: BAP300R-10 x 120- Ký hiệu thân dao phay

APMT 1135 ...- Ký hiệu mảnh dao phay đi kèm

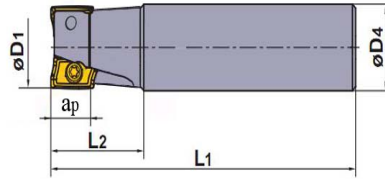
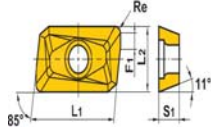
BAP	300R	10	120
Ký hiệu	Đường kính lỗ	Đường kính	Chiều dài thân dao
thân dao phay	lắp mảnh hợp kim	Đầu thân dao Ø10	
gắn mảnh HK	là 3mm		
hình bình hành			



Code	Insert	Thông số KT (mm)					
		Z	D1	D4	L1	L2	ap
BAP300R-10 x 120	APMT 1135 ...	1	10	10	120	30	9
BAP300R-12 x 130	APMT 1135 ...	1	12	10	120	30	9
BAP300R-13 x 120-C12	APMT 1135 ...	1	13	12	120	30	9
BAP300R-16 x 120	APMT 1135 ...	2	16	16	120	40	9
BAP300R-16 x 160		2	16	16	160	40	9
BAP300R-16 x 200		2	16	16	200	40	9
BAP300R-16 x 160-C15		2	16	15	160	40	9
BAP300R-17 x 160-C16	APMT 1135 ...	2	17	16	160	40	9
BAP300R-17 x 200-C16		2	17	16	200	40	9
BAP300R-20 x 120	APMT 1135 ...	2/3	20	20	120	40	9
BAP300R-20 x 160		2/3	20	20	160	50	9
BAP300R-20 x 160-C19		2/3	20	19	160	50	9
BAP300R-20 x 200		2/3	20	20	200	50	9
BAP300R-20 x 200-C19		2/3	20	19	200	50	9
BAP300R-21 x 160-C20	APMT 1135 ...	2/3	21	20	160	50	9
BAP300R-21 x 200-C20		2/3	21	20	200	50	9
BAP400R-25 x 160	APMT 1604 ...	2	25	25	160	50	14
BAP400R-25 x 160-C24		2	25	24	160	40	14
BAP400R-25 x 200		2	25	25	200	75	14
BAP400R-25 x 200-C24		2	25	24	200	50	14
BAP400R-25 x 250		2	25	25	250	50	14
BAP400R-26 x 160-C25	APMT 1604 ...	2	26	25	160	40	14
BAP400R-26 x 200-C25		2	26	25	200	50	14
BAP400R-32 x 160-C25	APMT 1604 ...	2/3	32	25	160	50	14
BAP400R-32 x 200-C25		2/3	32	25	200	50	14
BAP400R-32 x 200		2/3	32	32	200	80	14
BAP400R-32 x 250		2/3	32	32	250	60	14
BAP400R-32 x 300		2/3	32	32	300	60	14
BAP400R-35 x 200-C32	APMT 1604 ...	3	35	32	200	60	14
BAP400R-35 x 250-C32		3	35	32	250	60	14
BAP400R-35 x 300-C32		3	35	32	300	60	14
BAP400R-35 x 350-C32		3	35	32	350	60	14
BAP400R-35 x 400-C32		3	35	32	400	60	14
BAP400R-40 x 200-C32	APMT 1604 ...	3	40	32	200	60	14
BAP400R-40 x 250-C32		3	40	32	250	60	14
BAP400R-40 x 300-C32		3	40	32	300	60	14
BAP400R-40 x 350-C32		3	40	32	350	60	14
BAP400R-40 x 400-C32		3	40	32	400	60	14

Ký hiệu thân dao: BAP300R-13 x 120-C12

C12 Đường kính chuôi dao. Trường hợp đường kính đầu và chuôi dao khác nhau trong ký hiệu sẽ có thêm -Cx.



Code	Insert	Thông số KT (mm)					
		Z	D1	D4	L1	L2	ap
BAP300R-10 x 120	APMT 1135 ...	1	10	10	120	30	9
BAP300R-12 x 130	APMT 1135 ...	1	12	10	120	30	9
BAP300R-13 x 130-C12	APMT 1135 ...	1	13	12	120	30	9
BAP300R-16 x 120	APMT 1135 ...	2	16	16	120	40	9
BAP300R-16 x 160		2	16	16	160	40	9
BAP300R-16 x 200		2	16	16	200	40	9
BAP300R-16 x 160-C15		2	16	15	160	40	9
BAP300R-17 x 160-C16	APMT 1135 ...	2	17	16	160	40	9
BAP300R-17 x 200-C16		2	17	16	200	40	9
BAP300R-20 x 120	APMT 1135 ...	2/3	20	20	120	40	9
BAP300R-20 x 160		2/3	20	20	160	50	9
BAP300R-20 x 160-C19		2/3	20	19	160	50	9
BAP300R-20 x 200		2/3	20	20	200	50	9
BAP300R-20 x 200-C19		2/3	20	19	200	50	9
BAP300R-21 x 160-C20	APMT 1135 ...	2/3	21	20	160	50	9
BAP300R-21 x 200-C20		2/3	21	20	200	50	9
BAP400R-25 x 160	APMT 1604 ...	2	25	25	160	50	14
BAP400R-25 x 160-C24		2	25	24	160	40	14
BAP400R-25 x 200		2	25	25	200	75	14
BAP400R-25 x 200-C24		2	25	24	200	50	14
BAP400R-25 x 250		2	25	25	250	50	14
BAP400R-26 x 160-C25	APMT 1604 ...	2	26	25	160	40	14
BAP400R-26 x 200-C25		2	26	25	200	50	14
BAP400R-32 x 160-C25	APMT 1604 ...	2/3	32	25	160	50	14
BAP400R-32 x 200-C25		2/3	32	25	200	50	14
BAP400R-32 x 200		2/3	32	32	200	80	14
BAP400R-32 x 250		2/3	32	32	250	60	14
BAP400R-32 x 300		2/3	32	32	300	60	14
BAP400R-35 x 200-C32	APMT 1604 ...	3	35	32	200	60	14
BAP400R-35 x 250-C32		3	35	32	250	60	14
BAP400R-35 x 300-C32		3	35	32	300	60	14
BAP400R-35 x 350-C32		3	35	32	350	60	14
BAP400R-35 x 400-C32		3	35	32	400	60	14
BAP400R-40 x 200-C32	APMT 1604 ...	3	40	32	200	60	14
BAP400R-40 x 250-C32		3	40	32	250	60	14
BAP400R-40 x 300-C32		3	40	32	300	60	14
BAP400R-40 x 350-C32		3	40	32	350	60	14
BAP400R-40 x 400-C32		3	40	32	400	60	14

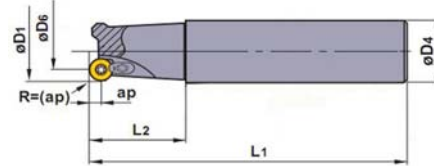
Thân dao phay gắn mảnh hợp kim hình bình hành

Ký hiệu: EMR-4R x 12 x 120- Ký hiệu thân dao phay

RPMW 0802 MO

RPMT 08T2... - Ký hiệu mảnh dao phay đi kèm

EMR	4R	12	120
Ký hiệu	Bán kính mảnh dao	Đường kính	Chiều dài thân dao
thân dao phay	Ø10	đầu thân dao Ø10	
gắn mảnh HK			
hình tròn			



Code	Insert	Thông số KT (mm)					
		Z	D1	D4	L1	L2	ap
EMR-4R x 12 x 120	RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	1	12	12	120	40	4
EMR-4R x 13 x 120-C12	RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	1	13	12	120	40	4
EMR-4R x 16 x 120	RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	2	16	16	120	40	4
EMR-4R x 16 x 160		2	16	16	160	40	4
EMR-4R x 16 x 160-C15		2	16	15	160	40	4
EMR-4R x 16 x 200		2	16	16	200	40	4
EMR-4R x 16 x 200-C15		2	16	15	200	50	4
EMR-4R x 17 x 160-C16		RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	2	17	16	160	40
EMR-4R x 17 x 200-C16	2		17	16	200	50	4
EMR-4R x 20 x 160	RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	2	20	20	160	50	4
EMR-4R x 20 x 160-C19		2	20	19	160	50	4
EMR-4R x 20 x 200		2	20	20	200	50	4
EMR-4R x 20 x 200-C19		2	20	19	200	50	4
EMR-4R x 21 x 160-C20	RPMW 0802 MO RPMT 08T2...	2	21	20	160	50	4
EMR-4R x 21 x 200-C20		2	21	20	200	50	4
EMR-5R x 20 x 160	RPMW 1003MO RPMT 10T3MOE	2	20	20	160	50	5
EMR-5R x 20 x 200		2	20	20	200	50	5
EMR-5R x 21 x 160-C20	RPMW 1003MO RPMT 10T3MOE	2	21	20	160	50	5
EMR-5R x 21 x 200-C20		2	21	20	200	50	5
EMR-5R x 25 x 160-C25	RPMW 1003MO RPMT 10T3MOE	2	25	25	160	50	5
EMR-5R x 25 x 160-C20		2	25	20	160	50	5
EMR-5R x 25 x 160-C24		2	25	24	160	50	5
EMR-5R x 25 x 200-C25		2	25	25	200	75	5
EMR-5R x 25 x 250-C25		2	25	25	250	60	5
EMR-5R x 25 x 200-C20		2	25	20	200	50	5
EMR-5R x 25 x 200-C24		2	25	24	200	50	5
EMR-5R x 25 x 250-C25		2	25	25	250	50	5
EMR-5R x 30 x 110-C20	RPMW 1003MO RPMT 10T3MOE	2	30	20	110	40	5
EMR-5R x 30 x 160-C25		2	30	25	160	50	5
EMR-5R x 30 x 200-C25		2	30	25	200	50	5
EMR-5R x 30 x 250-C25		2	30	25	250	60	5
EMR-5R x 30 x 300-C25		2	30	25	300	60	5
EMR-5R x 30 x 300-C32		2	30	32	300	60	5